TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/KDTM-ST
Ngày: 18-7-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2. Bà Vũ Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai và tuyên án ngày 18 tháng 7 năm 2023 đối với vụ án dân sự thụ lý số 32/2019/TLST-KDTM ngày 05/12/2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A

Địa chỉ trụ sở: Đường Láng Hạ, phường A, quận B, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Lê Hoài Đức hoặc ông Trần Duy Đoan (theo văn bản ủy quyền ngày 08/5/2023) (ông Đức có mặt).

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn kinh doanh thương mại xây dựng T.

Địa chỉ trụ sởđường số 53, Phường A, Quận B, TP. Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Thị Hồng Cẩm – chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Ấp Tân Thành A, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Thái Bình Đ, sinh năm: 1950

Địa chỉ: Đường Sư Vạn H, Phường A, Quận B, TP. Hồ Chí Minh

3.2. Bà Đinh Thị Th, sinh năm: 1976

Địa chỉ: Ấp 3, xã Th, huyện Th, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/9/2019 và các lời khai, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A do ông Trịnh Lê Hoài Đức đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 18/9/2017, Công ty trách nhiệm hữu hạn kinh doanh thương mại xây dựng T (sau đây ghi tắt là Công ty Thái H) có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần A – Chi nhánh Sài Gòn (sau đây ghi tắt là Ngân hàng) hợp đồng vay từng lần số SME/SGN/17/0156/HĐTD. Số tiền vay là 500.000.000đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh.

Để đảm bảo cho khoản vay, bà Đinh Thị Th (là người đại diện theo pháp luật của Công ty Thái H tại thời điểm năm 2017) đã bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân theo hợp đồng bảo lãnh số SME/SGN/17/0156/HDBL-02 ngày 18/9/2017 và ông Thái Bình Đ theo hợp đồng bảo lãnh số SME/SGN/17/0156/HDBL ngày 18/9/2017.

Thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân số tiền 500.000.000đồng. Sau khi giải ngân thì Công ty Thái H đã trả cho Ngân hàng tổng cộng 208.335.000 đồng tiền nợ gốc và 111.704.879 đồng tiền lãi. Sau đó Công ty Thái H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nhiều lần Ngân hàng liên hệ làm việc, nhắc nhở, yêu cầu Công ty Thái H hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng không có kết quả.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty Thái H trả nợ cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 18/7/2023 là 727.608.113 đồng. Trong đó nợ gốc là 291.665.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.183.720 đồng, nợ lãi quá hạn là 429.884.170 đồng, phạt chậm trả là 1.875.223 đồng và lãi suất phát sinh từ ngày 19/7/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp Công ty Thái H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ thì bà Đinh Thị Th và ông Thái Bình Đ có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn kinh doanh thương mại xây dựng T do bà Đỗ Thị Hồng Cẩm đại diện theo pháp luật tại bản tự khai trình bày:

Bà chỉ đại diện theo pháp luật của Công ty Thái H từ tháng 7/2018 cho đến nay, hiện chưa đăng ký giải thể nhưng không hoạt động.

Được biết năm 2017, Công ty Thái H có vay của Ngân hàng số tiền 500.000.000đồng, mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh, đây là khoản vay trước khi bà đại diện theo pháp luật cho Công ty. Để đảm bảo cho số tiền vay thì bà Đinh Thị Th (là người đại diện theo pháp luật của Công ty Thái H tại thời điểm năm 2017) đã bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân theo hợp đồng bảo lãnh số SME/SGN/17/0156/HDBL-02 ngày 18/9/2017 và ông Thái Bình Đ theo hợp đồng bảo lãnh số SME/SGN/17/0156/HDBL ngày 18/9/2017. Sau khi vay vốn thì Công ty Thái H hoạt động không hiệu quả nên không trả nợ cho Ngân hàng đúng theo thỏa thuận. Bà xác định khoản vay nêu trên Công ty Thái H có

trách nhiệm trả nhưng hiện nay Công ty Thái H kinh doanh khó khăn nên xin trả góp hàng tháng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Th tại bản tự khai trình bày: Trước đây bà là người đại diện theo pháp luật của Công ty Thái H. Năm 2017, Công ty Thái H có vay của Ngân hàng số tiền 500.000.000đồng (năm trăm triệu đồng), tại thời điểm đó bà là người đại diện theo pháp luật ký hợp đồng vay, số tiền vay sử dụng cho Công ty Thái H chứ không sử dụng vào mục đích cá nhân và bà Thu cũng không trực tiếp nhận số tiền vay. Sau đó, bà đã làm các thủ tục chấm dứt thành viên Công ty Thái H nên không còn liên quan gì đến Công ty Thái H và không xác định được số tiền vay đã trả cho Ngân hàng chưa. Bà Thu xác định bà không còn liên quan gì đến Công ty Thái H nên không có ý kiến và có nộp đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Bình Đ: Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng suốt quá trình giải quyết vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ cùng lời trình bày của các bên đương sự, có cơ sở xác định ngày 18/09/2017, nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng vay từng lần số SME/SGN/17/0156/HĐTD và khế ước nhận nợ lần 1 số SME/SGN/17/0156/HĐTD -01 ngày 21/09/2017. Ngân hàng thương mại cổ phần A và Công ty Thái H ký kết theo đúng quy định của pháp luật. Đây là giao dịch dân sự hợp pháp với số tiền vay là 500.000.000đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động kinh doanh vật liệu xây dựng.Về nợ gốc, căn cứ vào khế ước nhận nợ lần 1 số SME/SGN/17/0156/HĐTD ngày 21/09/2017, sự xác nhận giữa hai bên Ngân hàng và Công ty Thái H đã nhận đủ số tiền vay nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty Thái H trả nợ gốc là có căn cứ.

Về nợ lãi: Nhận thấy mức lãi suất Ngân hàng áp dụng đối với Công ty Thái H phù hợp theo quy định của Luật tổ chức tín dụng. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Công ty Thái H trả nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

Về yêu cầu ông Thái Bình Đẳng và bà Đinh Thị Thu trả nợ thay Công ty Thái H. Ông Thái Bình Đẳng và bà Đinh Thị Thu đã ký các Hợp đồng Bảo lãnh số SME/SGN/17/056/HĐBL ngày 18/9/2017 và Hợp đồng Bảo lãnh số SME/SGN/17/056/HĐBL-2 ngày 18/9/2017, việc ký kết giữa hai bên được thực

hiện theo đúng trình tự, thủ tục đây là giao dịch dân sự hợp pháp. Căn cứ Điều 1 Hợp đồng bảo lãnh thì "bà Đinh Thị Thu, ông Thái Bình Đẳng đồng ý bằng toàn bộ tài sản cá nhân của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang". Vì vậy, phía ngân hàng yêu cầu bà Đinh Thị Thu, ông Thái Bình Đẳng thực hiện nghĩa vụ thay Công ty Thái H trả nợ là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, các lời khai, ý kiến của đương sự, của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp: Ngân hàng thương mại cổ phần A khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn kinh doanh thương mại xây dựng T trả nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng. Đây là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn kinh doanh thương mại xây dựng T có trụ sở tại số 31 đường số 53, Phường 10, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đã triệu tập bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo đúng qui định nhưng suốt quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Thái Bình Đ vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Xét, hợp đồng cho vay từng lần số SME/SGN/17/0156/HDTD ngày 18/9/2017 và khế ước nhận nợ lần 1 số SME/SGN/17/0156/HDTD – 01 ngày 21/09/2017 giữa Ngân hàng và Công ty Thái H. Tại thời điểm giao kết hợp đồng các bên tham gia giao kết có đủ năng lực theo quy định, việc giao kết hợp đồng và các thủ tục vay vốn tại Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp.

Trên cơ sở hợp đồng vay mà hai bên đã giao kết cùng lời thừa nhận của bị đơn là Công ty Thái H có cơ sở xác định vào ngày 18/9/2017, Công ty Thái H có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần A – Chi nhánh Sài Gòn hợp đồng vay từng lần với số tiền vay là 500.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh.

Căn cứ chứng từ chuyển khoản cùng lời khai nhận của bị đơn Công ty Thái H, xác định Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty Thái H đủ số tiền vay là 500.000.000 đồng theo hợp đồng mà hai bên đã ký.

Về số tiền gốc, sau khi được giải ngân số tiền 500.000.000 đồng thì Công ty Thái H đã trả cho Ngân hàng 208.335.000 đồng tiền nợ gốc. Do đó, nay Ngân hàng yêu cầu trả tiền nợ gốc 291.665.000 đồng là có căn cứ.

Về nợ lãi: Khoản 6 hợp đồng số SME/SGN/17/0156/HDTD ngày 18/9/2017 và Khế ước nhận nợ lần 1 số SME/SGN/17/0156/HDTD – 01, ngày 21/09/2017 quy định: "Lãi suất cho vay được quy định tại Khế ước nhận nợ ký kết giữa các bên", "Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn" và "Lãi suất chậm trả áp dụng đối với số tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chạm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/ năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả". Đối chiếu khoản 5 Điều 1 Khế ước nhận nợ số số SME/SGN/17/0156/HDTD – 01, ngày 21/09/2017 quy định "Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 22 % / năm; mức lãi suất điều chỉnh định kỳ 01 tháng/1 lần….. mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 14,5% / năm. Lãi suất bán vốn là mức lãi suất do Hội sở chính của bên Ngân hàng xác định từng thời kì". Nhận thấy mức lãi suất quy định của Ngân hàng áp dụng đối với Công ty Thái H theo các Kế ước nhận nợ nêu trên là phù hợp với quy định tại điều 90, 91, 95 Luật tổ chức tín dụng. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Công ty Thái H trả nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật.

[2.2]. Lẽ ra, sau khi được giải ngân thì Công ty Thái H phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận. Nhưng đến nay chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm hợp đồng mà hai bên đã ký, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty Thái H trả nợ cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 18/7/2023 là 727.608.113 đồng. Trong đó nợ gốc là 291.665.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.183.720 đồng, nợ lãi quá hạn là 429.884.170 đồng, phạt chậm trả là 1.875.223 đồng và lãi suất phát sinh từ ngày 19/7/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ là có cơ sở chấp nhận.

[2.3]. Xét, để đảm bảo cho khoản vay, bà Đinh Thị Th đã bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân theo hợp đồng bảo lãnh số SME/SGN/17/0156/HDBL-02 ngày 18/9/2017 và ông Thái Bình Đ bảo lãnh theo hợp đồng bảo lãnh số SME/SGN/17/0156/HDBL ngày 18/9/2017. Tại Điều 1, Điều 2 Của Hợp đồng bảo lãnh hợp đồng bảo lãnh số SME/SGN/17/0156/HDBL-02 ngày 18/9/2017

và Điều 1, Điều 2 của Hợp đồng bảo lãnh SME/SGN/17/0156/HDBL ngày 18/9/2017 quy định:

"1. Các bên thống nhất thỏa thuận rằng Bên bảo lãnh có nghĩa vụ thay bên được bảo lãnh thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo lãnh đối với Ngân hàng một cách vô điều kiện và không hủy ngang ngay khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ..."

Xét thấy, rằng tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo lãnh các bên tham gia giao kết có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định, hợp đồng có nội dung và mục đích không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp. Do đó, trường hợp bị đơn Công ty Thái H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng hoặc thực hiện không đầy đủ thì cá nhân bà Đinh Thị Th, cá nhân ông Thái Bình Đ có nghĩa vụ thực hiện trả nợ theo hợp đồng bảo lãnh mà hai bên đã ký.

Như đã phân tích nêu trên, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tham dự phiên tòa là phù hợp.

Về thời hạn thanh toán: Xét yêu cầu của Ngân hàng buộc Công ty Thái H thanh toán toàn bộ số tiền nêu trên một lần kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

[3]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn kinh doanh thương mại xây dựng T phải trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 727.608.113 đồng (bảy trăm hai mươi bảy triệu, sáu trăm lẻ tám nghìn, một trăm mười ba đồng) nên phải chịu án phí sơ thẩm là 33.104.325 đồng (ba mươi ba triệu, một trăm lẻ bốn nghìn, ba trăm hai mươi lăm đồng)

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.519.715 đồng theo biên lai thu tiền số 0011813 của Chi cục Thi hành án Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 264, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

Căn cứ Điều 90; 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn kinh doanh thương mại xây dựng T trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tính đến ngày 18/7/2023 là 727.608.113 đồng (bảy trăm hai mươi bảy triệu, sáu trăm lẽ tám nghìn, một trăm mười ba đồng). Trong đó nợ gốc là 291.665.000đồng, nợ lãi trong hạn là 4.183.720 đồng, nợ lãi quá hạn là 429.884.170 đồng, phạt chậm trả là 1.875.223 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thực hiện tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

2. Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn kinh doanh thương mại xây dựng T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ thì bà Đinh Thị Th, ông Thái Bình Đ có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

4. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn Công ty Thái H trách nhiệm hữu hạn kinh doanh thương mại xây dựng Thái Hưng phải phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 33.104.325 đồng (ba mươi ba triệu, một trăm lẻ bốn nghìn, ba trăm hai mươi lăm đồng)

Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.519.715 đồng (tám triệu, năm trăm mười chín nghìn, bảy trăm mười lăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0011813 của Chi cục Thi hành án Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thụy Bích Ngọc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thụy Bích Ngọc